TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 5 - 2023
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Kha

Ông Trịnh Anh Minh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Đình Chưởng – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Văn Đa – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 724/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Thái Vũ E (tên gọi khác B, V), sinh năm: 1992. Địa chỉ cư trú: Số I đường L, khóm V, phường K, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Huỳnh Q, là Luật sư của Văn phòng luật sư Huỳnh Q, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn*: Chị Phạm Hồng N, sinh năm: 2002. Địa chỉ cư trú: Số V, hẻm Y đường T, khóm P, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Thái Vũ E trình bày tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

- Hôn nhân: Anh và chị Phạm Hồng N tự nguyện chung sống vào năm 2019, đến năm 2020 mới tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống đến tháng 10 năm 2022 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, sống chung không hòa hợp, thường xuyên cãi vả với nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng mờ nhạt, thiếu sự yêu thương, tôn trọng nhau, nặng nề về lối sống cá nhân. Đến tháng 12/2022 chị Ngọc về nhà mẹ ruột sống đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Hồng N.

- Con chung: Anh và chị Ngọc có 01 người con chung tên Thái Đăng K, sinh ngày 17/9/2020, hiện đang sống cùng chị N. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị N nuôi, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

- Tài sản chung gồm có:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Click biển số 69B1-66791, mua năm 2022 do anh đứng tên chủ sở hữu, giá mua 70.000.000 đồng, giá trị hiện tại còn 60.000.000 đồng. Anh xác định để anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

+ 13 chỉ vàng 18k là vàng cưới của vợ chồng còn lại và tiền dành dụm có được mua thêm. Quá trình giải quyết vụ án anh yêu cầu chia đôi, anh được nhận 6,5 chỉ vàng 18k. Tuy nhiên tại phiên tòa, anh thống nhất số vàng này chị N đã bán sử dụng mục đích chi phí nuôi con hết, nên anh không yêu cầu phân chia.

Ngoài ra anh, chị không còn tài sản chung nào khác.

- Tài sản riêng: Đối với số vàng 09 chỉ vàng 18k và 02 chỉ vàng 24k, chị N cho rằng là tài sản riêng của chị N và anh đang quản lý, thì anh xác định không đúng, anh không biết gì về số vàng này, cũng không giữ của chị N, nên không đồng ý trả lại theo yêu cầu chị N. Anh xác định không có tin nhắn trả vàng như chị N trình bày, nội dung tin nhắn anh nói trả vàng cho chị N là trả sợi dây chuyền 01 chỉ vàng 18k, anh bán được 4.130.000 đồng, anh đồng ý trả cho chị N số tiền này. Đối với việc chị Phạm Hồng N cho rằng có tin nhắn với chị Thái Hồng Ng nội dung chị Thái Hồng Ng sẽ kêu anh trả lại vàng cho chị Phạm Hồng N thì anh xác định không đúng, anh xác định những nội dung tin nhắn này không liên quan đến số vàng riêng của chị N. Ngoài ra, sau khi xảy ra mâu thuẫn anh có đến nhà chị N có cha, mẹ chị N cùng với anh và chị N có nói chuyện với nhau, nội dung là hàn gắn cho anh chị nhưng không có kết quả chứ không có nội dung anh đồng ý trả vàng riêng cho chị N như chị N trình bày.

- *Về nợ chung:* Anh xác định không nợ ai, không ai nợ anh, chị.

Chị Phạm Hồng N trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

- *Về hôn nhân:* Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như anh Vũ E trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc, không thể hàn gắn. Anh Vũ E yêu cầu ly hôn, chị đồng ý.

- *Về con chung:* Chị và anh Vũ E có 01 người con chung tên Thái Đăng K, sinh ngày 17/9/2020, hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền nuôi con chung, đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng như anh Vũ E đặt ra.

- *Về tài sản chung:*

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Click biển số 69B1-66791, mua tháng 7 năm 2022, giá mua 70.000.000 đồng, giá trị hiện tại còn 60.000.000 đồng. Chị xác định chị không yêu cầu giải quyết, để anh chị tự thỏa thuận;

+ 13 chỉ vàng 18k như anh Vũ E trình bày đúng là tài sản chung, khi về nhà mẹ ruột sống từ ngày 05/12/2022 đến nay, chị mang theo số vàng này, chị xác định

chị đã bán hết số vàng 13 chỉ vàng 18k mục đích để sử dụng chi phí nuôi con. Chị thống nhất ý kiến anh Vũ E là không yêu cầu phân chia.

Chị xác định anh chị không còn tài sản chung nào khác.

- Tài sản riêng: Trước khi kết hôn chị có: 09 chỉ vàng 18k và 02 chỉ vàng 24k là tài sản riêng của chị gồm 01 bộ vòng ximen 14 chiếc, trọng lượng 09 chỉ vàng 18k; 01 lắc tay 02 chỉ vàng 24k. Quá trình giải quyết vụ án, chị yêu cầu anh Thái Vũ E trả cho chị số vàng trên. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị xác định chị chỉ yêu cầu anh Thái Vũ E trả số tiền bán 01 chỉ vàng 18k là vàng riêng của chị được 4.130.000 đồng, số vàng còn lại chị không yêu cầu giải quyết, chị rút lại yêu cầu này. Đối với 01 chiếc vòng của con 01 chỉ vàng 18k chị xác định không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra chị không yêu cầu tài sản nào khác.

- *Về nợ chung:* Chị xác định không có, không ai nợ anh chị.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Thái Vũ E về việc ly hôn với chị Phạm Hồng N; Về con chung: Giao cháu Thái Đăng K cho chị N nuôi dưỡng, anh Vũ E tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng; Về tài sản chung: Không yêu cầu xem xét, giải quyết; Về nợ chung: không có; Về tài sản riêng, đề nghị không chấp nhận yêu cầu của chị N, vì anh Vũ E không giữ số vàng riêng của chị N, chị N không cung cấp được chứng cứ chứng minh, anh Vũ E đồng ý trả cho chị N số tiền bán vàng riêng là 4.130.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Thái Vũ E về việc ly hôn với chị N; Về con chung: Giao cháu Thái Đăng Khôi cho chị N nuôi dưỡng; Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc anh Thái Vũ E cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng; Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết; Về tài sản riêng: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của chị N, buộc anh Thái Vũ E trả cho chị N số tiền 4.130.000 đồng, đình chỉ một phần yêu cầu của chị N, về việc yêu cầu anh Thái Vũ E trả tài sản riêng 08 chỉ vàng 18k và 02 chỉ vàng 24k. Án phí dân sự: Các đương sự phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là về việc Ly hôn.

[2] Hôn nhân: Anh Thái Vũ E yêu cầu ly hôn với chị Phạm Hồng N. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, anh Thái Vũ E và chị Phạm Hồng N chung sống hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh Vũ E và chị Phạm Hồng N đều cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hôn nhân không hạnh phúc. Tại phiên tòa, anh Vũ E yêu cầu ly hôn, chị N đồng ý. Xét thấy, anh Vũ E và chị Phạm Hồng N

xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, thực tế anh, chị đã sống ly thân với nhau, tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Do đó, chấp nhận yêu cầu của anh Vũ E về việc ly hôn với chị Phạm Hồng N có căn cứ.

[3] Con chung: Anh Vũ E và chị Phạm Hồng N có 01 người con chung tên Thái Đăng K, sinh ngày 17/9/2020, hiện đang sống cùng chị N. Khi ly hôn, anh Vũ E và chị Phạm Hồng N thống nhất giao con chung cho chị Phạm Hồng N nuôi dưỡng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, cháu K còn nhỏ cần sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Các đương sự thống nhất anh Thái Vũ E tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp quy định pháp luật và mức cấp dưỡng này đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con chung, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tài sản chung:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Click biển số 69B1-66791, mua năm 2022 do anh Vũ E đứng tên chủ sở hữu, giá mua 70.000.000 đồng, giá trị hiện tại còn 60.000.000 đồng. Anh Vũ E và chị Phạm Hồng N xác định để anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là có căn cứ.

Đối với 13 chỉ vàng 18k, các đương sự thống nhất xác định hiện không còn, nên không yêu cầu phân chia. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Tài sản riêng:

Đối với số vàng 10 chỉ vàng 18k và 02 chỉ vàng 24k, trong đó có 01 chiếc vòng của con 01 chỉ vàng 18k, anh Vũ E, chị N xác định không yêu cầu giải quyết, số còn lại là tài sản riêng của chị Phạm Hồng N. Quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Hồng N cho rằng anh Vũ E đang quản lý và yêu cầu anh Vũ E trả lại. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị N xác định chị chỉ yêu cầu anh Vũ E trả số tiền bán 01 chỉ vàng 18k được 4.130.000 đồng, rút lại yêu cầu anh Thái Vũ E trả số vàng còn lại 08 chỉ vàng 18k và 02 chỉ vàng 24k. Xét thấy tại phiên tòa anh Vũ E thừa nhận có mượn của chị N 01 sợi dây chuyền 01 chỉ vàng 18k, anh bán được số tiền 4.130.000 đồng và đồng ý trả cho chị N, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, buộc anh Thái Vũ E trả cho chị N 4.130.000 đồng là có căn cứ. Đối với việc chị N rút một phần yêu cầu trả tài sản riêng còn lại 08 chỉ vàng 18k và 02 chỉ vàng 24k. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu cầu chị N là có căn cứ.

[6] Nợ chung: Anh Vũ E và chị Phạm Hồng N xác định anh, chị không có nợ chung. Không ai yêu cầu về nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[7] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83, 107, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 166 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thái Vũ E, về việc yêu cầu ly hôn với chị Phạm Hồng N.

2. Con chung: Giao Thái Đăng K, sinh ngày 17/9/2020, hiện đang sống cùng chị Phạm Hồng N cho chị Phạm Hồng N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Thái Vũ E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc anh Thái Vũ E có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Thái Đăng K 2.000.000 đồng/tháng, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Khôi đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Phạm Hồng N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Thái Vũ E không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Tài sản chung, Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Tài sản riêng:

Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Phạm Hồng N, về việc yêu cầu anh Thái Vũ E trả tài sản riêng, buộc anh Thái Vũ E có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Hồng N số tiền 4.130.000 đồng.

Kể từ ngày chị Phạm Hồng N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Thái Vũ E không tự nguyện thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Đình chỉ một phần yêu cầu của chị Phạm Hồng N về việc yêu cầu anh Thái Vũ E trả lại tài sản riêng 08 chỉ vàng 18k và 02 chỉ vàng 24k.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Thái Vũ E phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng; 300.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch, tổng cộng 900.000 đồng. Ngày 22/12/2022, anh Vũ E đã nộp tiền tạm ứng án phí 1.353.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai thu số 0002644, được đối trừ, anh Thái Vũ E được nhận lại 453.000 đồng; Chị Phạm Hồng N không phải nộp án phí, ngày 22/02/2023 chị Phạm Hồng N nộp tiền tạm ứng án phí 1.140.000 đồng, theo biên lai thu số 0002887, được nhận lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
-TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã phường 6, thành phố Cà Mau;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hân